

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2020/HS-ST
Ngày: 10/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Phượng và ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2020/TLST - HS ngày 16/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Tổ 10, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1993, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Vào ngày 15/5/2006, bị cáo bị Tòa án phúc thẩm tại Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người”. Đến ngày 17/01/2009 được đặc xá trở về địa phương sinh sống. Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (Đã xóa án tích)

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14 tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Đặng Thị Hải Y, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 90 H, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Chị Huỳnh Thị Như S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 201 L, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01 năm 2018 do có mối quan hệ bạn bè với nhau và đang cần vốn để làm ăn, nên D có mượn của chị Đặng Thị Hải Y số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) với lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 03 năm. D vẫn trả lãi đầy đủ cho chị Y, nhưng đến năm 2019 do chị Y làm nghề buôn bán ở chợ Duy Tân nên thường xuyên nghe người ở chợ nói việc nợ nần, kiện tụng ra Tòa án nhưng không lấy được tiền. Sợ số tiền mình cho D mượn lỡ may có chuyện gì không lấy được, nên Y đã gọi D đến nhà và yêu cầu D mang tài sản có giá trị như sổ đỏ, giấy tờ xe đến cho Y để làm tin về khoản tiền D vay Y. Sau đó D lên mạng xã hội Facebook tìm cò thấy có một nich name (không nhớ tên) rao vặt việc làm nhanh các loại giấy tờ, thấy vậy D đã nảy sinh ý định làm giả một giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa cho chị Y. Do không biết cung cấp thông tin ra sao, nên D liền cung cấp toàn bộ thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà D đứng tên D (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà D đang thế chấp Ngân hàng) để tài khoản trên mạng xã hội Facebook làm giả cho D với giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau khi đưa thông tin cho nich name rao vặt trên, khoảng 1 tuần sau D nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nhân viên chuyển phát nhanh mang đến tận nhà D và D giao tiền (dịch vụ nhân viên bưu điện thu hộ). Khi có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên mình, D liền đến nhà chị Y để đưa cho chị Y cầm Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên D. Chị Y liền yêu cầu xé giấy viết nợ cũ, viết lại giấy nợ mới với nội dung là *“Vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/tháng và để lại 01 bì đỏ mang tên D, số hiệu CM372610 để làm tin”*. Đến ngày 21/01/2020, chị Y đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kiểm tra, qua kiểm tra phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D đưa cho mình là giả, nên chị Y đã làm đơn tố cáo D đến Công an thành phố Kon Tum. Đối với D sau khi biết chị Y làm đơn tố cáo đến Công an thành phố Kon Tum thì D đã trả lại toàn bộ số tiền đã vay của chị Y, còn chị Y sau khi D trả tiền thì cũng đã xé giấy viết vay tiền trước đó.

Tại bản kết luận giám định số 151/KLGD-PC09 ngày 03/8/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn D, số phát hành CM372610 cấp ngày 12/7/2018 là giả.

Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn D, số phát hành CM372610 cấp ngày 12/7/2018 (kèm trong hồ sơ vụ án).

Tại bản cáo trạng số 142/CT-VKSTPKT ngày 13/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố KonTum vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi truy tố bị cáo: Trên cơ sở lời khai nhận của bị cáo và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Vào khoảng tháng 01 năm 2018 do có mối quan hệ bạn bè với nhau và đang cần vốn để làm ăn, nên D có mượn của chị Đặng Thị Hải Y số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) với lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 03 năm, D vẫn trả lãi đầy đủ cho chị Y. Khi thấy chị Y yêu cầu D mang giấy tờ về tài sản có giá trị như sổ đỏ, giấy tờ xe đến cho chị Y để làm tin về khoản tiền D vay của chị Y, nên D đã thuê dịch vụ làm bằng giả trên mạng xã hội Facebook để làm giả một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “*Nguyễn Văn D số phát hành CM372610 ngày 12/7/2018*” để đưa cho chị Y làm tin. Tại bản kết luận giám định số 151/KLGĐ-PC09 ngày 03/8/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang

tên Nguyễn Văn D, số phát hành CM372610 cấp ngày 12/7/2018 là giả. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D đã phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D là hoàn toàn đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi đó đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Việc đưa bị cáo ra xét xử và áp dụng biện pháp chế tài hình sự đối với bị cáo là hoàn toàn cần thiết.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, cha của bị cáo là người có công với đất nước được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất và Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân của bị cáo: Ngày 15/5/2006, bị cáo bị Tòa án phúc thẩm tại Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người”. Đến ngày 17/01/2009 được đặc xá trở về địa phương sinh sống. Tuy nhiên khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên và đã được xóa án tích từ lâu.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chỉ vì nghĩ đơn giản làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình rồi đưa cho chị Y để làm tin đối với số tiền vay vì hàng tháng bị cáo vẫn trả đầy đủ tiền lãi cho chị Y, nên xét thấy việc nhận thức về pháp luật của bị cáo còn hạn chế. Sau khi phát hiện ra hành vi phạm tội, bị cáo đã trả đầy đủ tiền cho chị Y, chưa gây ra thiệt hại gì. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thật sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tài sản để đảm bảo cho công tác thi hành án, xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền đánh vào kinh tế đối với bị cáo cũng có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng thu giữ được: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Văn D, số phát hành CM372610 cấp ngày 12/7/2018 là chứng cứ phục vụ cho việc điều tra, truy tố, xét xử, nên cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D (tên gọi khác: không) phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

2.Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/12/2020). Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Công an TP;
- Thi hành án dân sự TP;
- Bị cáo;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

